

LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO

QUYỂN 16

PHẨM 6: THÀNH LẬP KHÔNG (Phần còn lại)

Lại nữa, do nương vào lý không Cũng thế để tu tập nên được chứng ngộ. Tu tập như thế nào?

Tụng rằng:

*Tu khác nhau mười tám,
Hoặc có độ, không độ,
Đối trị năm thứ chấp,
Lược hai thứ, nên biết.*

Luận chép: Tướng tu tập khác nhau có mười tám thứ là:

1. Thanh văn tương ứng với tác ý tu tập: như có một hạng Thanh văn an trụ trong pháp tánh Thanh văn, hoặc chưa chứng tính ly sinh hoặc đã chứng chánh tính ly sinh, nhưng chỉ quán sát có lợi cho mình, không quán sát việc lợi ích cho kẻ khác. Nương vào an lập để tác ý mà nhập vào lý chân như. Tự duyên bên trong có pháp phần lượng, sinh khởi ý niệm nhằm chán, vô dục, làm hạnh giải thoát, tác ý tu tập dứt sạch tự ái. Đó gọi là Thanh văn tương ứng với tác ý tu tập.

2. Bồ-tát tác ý tu tập: như có một hạng Bồ-tát an trụ trong pháp tánh Bồ-tát, chưa chứng chánh tính ly sinh, hoặc đã chứng vào chánh tính ly sinh, quan sát mình người đều được lợi ích, nương vào pháp môn tác ý an lập, phi an lập để mà chứng nhập lý chân như, duyên vào pháp bên trong, vô phần lượng, tâm đại bi tăng lên, khởi hạnh phương tiện gom lợi ích về cho người, bước trên dấu vết Vô thượng. Từ đó, tác ý tu tập, làm sạch hết gốc ái của mình và người. Đó gọi là Bồ-tát tác ý tu tập.

3. Ảnh tượng tác ý tu tập: tư duy có phân biệt phẩm Tỳ-bát-xá-na Tam-ma-địa, đã thực hành pháp cảnh giới gốc, ảnh tượng đồng phần, hoặc còn suy tư không phân biệt phẩm Xa-ma-tha Tam-ma-địa, đã thực hành pháp cảnh giới gốc, ảnh tượng đồng phần. Tu tập như vậy, gọi là

tác ý tu tập ảnh tượng.

4. Rốt ráo của tác ý tu tập là tư duy các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, trong ngoài, to, nhỏ, xa gần hoặc còn tư duy các pháp chân như cùng tận tất cả, như tất cả những gì có mà tu tập, đó gọi là tác ý tu tập rốt ráo.

5. Sự thành tựu tu là đã chứng được tĩnh lự căn bản và Tam-ma-bát-để, thế gian và xuất thế gian. Tu tập Cũng thế gọi là tu tập thành tựu.

6. Đắc tu: như có hạng người nương vào Sơ tĩnh lự, tu tập nhận thức về vô thường, cho đến khi tu tập Vô tướng. Người này còn có những tướng thiện khác, tất cả đều không hiện ra trước mắt. Hoặc thuộc về địa trên hay địa dưới, những tướng thiện ấy, đã dẫn đến tất cả công đức ở thế gian và xuất thế gian. Tất cả đều tu tập khiến các tướng thiện ấy càng mạnh lên, mà thanh tịnh rất ngời sáng sẽ được phát sinh. Chứng được pháp tự tại thành tựu kia. Đó gọi là đắc tu.

7. Tu tập: là như có hạng người tư duy hiện tiền các pháp trên mà phát sinh tất cả các tướng thiện như vô thường v.v... và hiện đang tu tập nhiều pháp lành khác. Tu tập như vậy gọi là Tu tập.

8. Trừ khiển tu là như có hạng người tư duy Tam-ma-địa, vì đã thực hành tướng ảnh tượng nên đã xua tan đi tính tướng gốc của các pháp, làm cho chúng không còn hiện khởi nữa, như người dùng cái nệm đóng vào lõi cái nệm kia ra, hay dùng thân nhẹ nhàng đẩy lùi thân to nặng. Như trước đã nói, đó gọi là tu tập trừ khiển.

9. Đối trị tu tập là tư duy tu tập, đối trị ý niệm nhằm chán hư hoại, đối trị sự đoạn diệt, giữ sự đối trị, đối trị với phần ở xa, đó gọi là tu tập đối trị. Trong ấy, văn, tứ đã phát sinh đạo để đối trị ý niệm nhằm chán, hư hoại, đạo xuất thế gian là đối trị đoạn. Quả báo chuyển y kia là duy trì đối trị, thế gian tu tuệ đạo là đối trị phần ở xa.

10. Tu thân.

11. Tu giới.

12. Tu tâm.

13. Tu tuệ. Theo như thứ lớp ấy, nương vào việc phòng hộ các căn mà tu ba học, phải biết, đó gọi là tu tĩnh của thân, v.v...

14. Thiếu phần tu là tư duy các pháp, phát sinh những tư tưởng thiện như vô thường, v.v... trong các lúc, và tu một ít phần pháp lành khác, đó gọi là tu tập thiếu phần.

15. Biến hành tu là tư duy tất cả pháp chỉ có một vị chân như. Tu hành Cũng thế gọi là tu tập cùng khắp.

16. Hữu động tu là lúc siêng năng dùng phương tiện tu vô tướng, ở trung gian thì tu tập các pháp hữu tướng, đó là tu hữu động.

17. Công hạnh tu là khi siêng năng vận dụng phương tiện tu vô tướng, do công dụng hạnh không xen hở, thiếu mất, khởi sự tu vô tướng, đó là tu công hạnh.

18. Thành mãn tu là nương theo thừa Thanh văn hoặc nương theo thừa Độc giác, hay theo Đại thừa. Tất cả nương ấy đã chuyển được tự tại đối với các pháp. Tu tập như vậy, gọi là tu thành mãn.

Các pháp tu Cũng thế, lược có hai thứ, nghĩa là tu có độc hại và tu không có độc hại, vì ngã và ngã sở có phức tạp và không phức tạp. Lại nữa, nên biết, các lối tu ấy nhằm đối trị năm thứ tà chấp là:

1. Các chấp tà của chúng sinh.
2. Pháp chấp tà.
3. Chấp tà tổn giảm.
4. Chấp tà khác nhau.
5. Chấp tà thay đổi.

Chấp tà của chúng sinh là đối với các uẩn, chấp có hữu tình là người chịu và người làm.

- Chấp tà pháp là như theo những gì đã nói mà chấp có tự thể khác nhau của sắc, v.v...

- Chấp tà tổn giảm là chấp tướng của tất cả pháp là không.

- Chấp tà khác nhau là chấp các pháp ngã, vô ngã có thể tính khác nhau.

- Chấp tà thay đổi là chấp các pháp trước có ngã thật, sau thành vô ngã. Lại nữa, gọi là tu, lược có hai thứ là tu thế gian và tu xuất thế gian. Lại nữa, bài Tụng rằng:

*Tu quả phải nên biết,
Công đức ba Bồ-đề,
Nương tính chuyển y,
Việc đã làm thành tựu.*

Luận chép: Vì tu lý không, cho nên chứng được quả cao tốt, là nương vào chuyển y chứng ba pháp Bồ-đề, và chứng được vô tránh nguyện trí, vô ngại giải với vô lượng công đức. Và, các việc đã làm đều thành tựu viên mãn. Nghĩa là chuyển y đã thành tựu rất ráo.

PHẨM 7: THÀNH LẬP VÔ TÍNH

Luận chép: Trong phẩm thành lập không, đã thành lập chúng sinh vô ngã, chứ chẳng phải pháp vô ngã. Nay đây vì thành lập pháp vô ngã, nên nói là thành lập vô tính.

Tụng rằng:

*Ba tự tính, nên biết,
Đầu tiên: Biến kế chấp,
Kế tính y tha khởi,
Sau là Viên thành thật.*

Luận chép: Vô tính không là tự tính. Do vậy, trước phải nói về nghĩa ba tự tính. Cũng thế tức là làm sáng tỏ ý sâu kín của ba thứ vô tính. Nói ba tự tính là chỉ tự tính biến kế sở chấp, tự tính y tha khởi, và tự tính Viên thành thật.

- Biến kế chấp là dựa vào nói năng diễn đạt các pháp mà chấp là có tự thể.

- Y tha khởi, là tự thể các pháp đều dựa vào các nhân duyên mà phát sinh.

- Viên thành thật là tự thể chân như của các pháp.

Tụng rằng:

*Ba vô tính nên biết,
Không là ba tự tính,
Do tướng vô, sinh không,
Và thắng nghĩa vô tính.*

Luận chép: Ba tự tính như vậy, nên biết là do ba thứ không tự tính nên nói ba vô tính:

1. Tướng vô tính là tự tính biến kế sở chấp, do thể tướng của tự tính này là không.

2. Sinh vô tính là tự tính y tha khởi, do duyên lực của tự tính này làm phát sinh, chứ chẳng phải tự nhiên sinh.

3. Thắng nghĩa vô tính là tự tính Viên thành thật, do bản thể của tự tính này là thắng nghĩa, và đây là tính không của các pháp, nên đã nói ba thứ lớp tính và ba tướng vô tính. Nay sẽ làm sáng tỏ việc thành lập đạo lý. Vì sao biệt được biến kế sở chấp đều không có thể tướng của mình.

Tụng rằng:

*Chẳng thuộc về năm việc,
Ngoài ra, không có gì,*

*Từ tên gọi, nghĩa chuyển,
Hai, làm khách lẫn nhau.*

Luận chép: Tự tướng của biến kế sở chấp là không. Vì sao? Vì nó không thuộc về năm việc. Ngoài năm việc này, thật không có gì hết. Năm việc ấy là:

1. Tướng.
2. Danh.
3. Phân biệt.
4. Chân như.
5. Chánh trí.

Hỏi: Nếu tướng của biến kế sở chấp không có tự thể thì làm sao có thể sinh biến kế sở chấp được?

Đáp: Do tên gọi mà nghĩa chuyển, là tùy theo giả danh, nghĩa trôi lăn theo. Người ngu trên đời này chấp cho là có tên và ý nghĩa, nó chắc chắn ngang bằng với tự tính chân như.

Hỏi: Làm thế nào biết được đây là tà chấp?

Đáp: Do tên gọi và ý nghĩa làm khách lẫn nhau. Vì sao? Vì tên gọi và ý nghĩa không cân bằng với thể, nên gọi là khách. Nghĩa và tên gọi là không có thật, nên nói là khách. Làm sao biết được như thế?

Tụng rằng:

*Tên gọi, trước không biết,
Nhiều tên và bất định,
Với có nghĩa, không nghĩa,
Chuyển nghĩa thành phi lý .*

Luận chép: Nếu tự thể của nghĩa cũng như tên gọi là có, thì trước khi chưa có tên gọi thì cái hiểu biết này đối với ý nghĩa, lẽ ra trước đã có. Lại bởi tên gọi có nhiều nên một nghĩa phải có nhiều tự thể. Lại, tên gọi bất nhiễm định nên tự thể của nghĩa cũng theo đó mà bất nhiễm định. Vì sao? Vì trong một tên gọi cũng có thể lập ra nhiều nghĩa khác nhau. Lại nữa, tên gọi ấy, nó thay đổi theo có nghĩa hay thay đổi theo không có nghĩa? Nếu nó biến chuyển theo có nghĩa thì không hợp lý, tức là do ba duyên, như trước đã nêu. Nếu chuyển theo không có nghĩa thì tên gọi và nghĩa làm khách lẫn nhau, như trước đã nói, là đạo lý thành tự. Lại nữa, nếu chấp nghĩa là thật có do tên gọi làm sáng tỏ như đèn chiếu soi sắc là không hợp lý. Vì sao?

Tụng rằng:

*Do chấp đã đặt tên,
Cái khác không chấp lấy,*

*Như chúng sinh chấp tà,
Càng tăng thêm điên đảo.*

Luận chép: Trước hiểu nghĩa rồi sau mới đặt tên, chứ chẳng phải chưa hiểu nghĩa mà đặt tên. Đã chấp nhận nghĩa rồi mà còn làm sáng tỏ là không đúng lý. Lại nữa, nếu tên gọi nào mà người khác chưa hiểu thì họ không chấp nhận nghĩa. Đèn chiếu sáng các vật thì chẳng phải như vậy, bất cứ vật nào cũng được đèn chiếu sáng. Lại nữa, không nên chấp nghĩa khác, tên gọi khác. Vì chỉ nương vào tên gọi mà sinh chấp nghĩa, thì giống như chỉ có tự tính phàm phu là những hiện tượng tâm lý trôi lăn từ vô thủy nên chúng sinh nầy ý niệm chấp sai lầm cho rằng mình và người nối tiếp nhau. Ấy là vì sức mạnh của thói quen.

Như vậy, trong suốt giai đoạn sinh tử, vì tâm chúng sinh đã được huân tập mãi những thói quen nói năng, vì với phương tiện ấy mà chúng sinh sinh chấp sai lầm cùng khắp cho rằng các pháp đều có. Cách chấp sai lầm nầy, giống như chúng sinh nghĩ đến ích lợi sai lầm, đó là trái ngược, nên biết. Sự trái ngược nọ và pháp tạp nhiễm lần lượt phát sinh như thế nào?

Tụng rằng:

*Do huân khởi y tha,
Dựa đó, sinh điên đảo,
Làm duyên nhau như thế,
Xoay vần sinh, không dứt.*

Luận chép: Do sức mạnh xông ướp của điên đảo nầy. Sau đó, nó nương vào tự tính của quả y tha mà sinh khởi. Sau khi nương vào quả ấy, lại sinh pháp chấp điên đảo. Cũng thế, hai pháp làm duyên cho nhau mà sinh tử lần lượt nối nhau mãi mãi không dứt.

Vậy, đã nói thành lập đạo lý rồi, nay sẽ chỉ bày sáng tỏ chỗ khác nhau của tự tính Biến kế sở chấp.

Bài tụng rằng:

*Tự tính và sai khác,
Có giác ngộ, tùy miên,
Gia hạnh gọi, biến kế,
Phải biết, có năm thứ.*

Luận chép: Do sáu thứ biến kế khác nhau, nên tự tính của biến kế sở chấp cũng có sáu thứ. Đó là:

1. Tự tính biến kế là chấp sắc, v.v... là thật có tướng.
2. Sai khác biến kế là chấp sắc cùng khắp v.v... chắc chắn là có thật tướng khác nhau như có sắc, không sắc, có thấy, không thấy.

3. Giác ngộ biến kế là từ lời nói tốt mà sinh biến kế.
4. Tùy miên biến kế là từ lời nói xấu mà sinh biến kế.
5. Gia hạnh biến kế.

Lại có năm thứ:

- a. Gia hạnh tham ái.
- b. Gia hạnh giận dữ.
- c. Gia hạnh họp hội.
- d. Gia hạnh chia lìa.
- e. Gia hạnh tùy xả.
6. Danh biến kế, gồm có hai thứ:
 - a. Phát sinh do văn tự.
 - b. Phát sinh không phải do văn tự.

- Phát sinh không phải do văn tự là, như có lối chấp rằng: Đây là vật gì? Vật này thế nào? Vật này là gì? Vật này ra sao?

- Do danh tự mà phát sinh biến kế như: Có quan niệm chấp : Đây là vật này, vật này Cũng thế, hoặc sắc hoặc cho đến thức, hoặc hữu vi hoặc vô vi, hoặc thường, hoặc vô thường hoặc thiện hoặc bất thiện, hoặc vô ký như thế, v.v...

Lại nữa, nên biết, tự tính biến kế sở chấp, còn có năm thứ nữa,

1

- à:
1. Y danh biến kế tự tính nghĩa.
 2. Y nghĩa biến kế, tự tính của danh.
 3. Y danh biến kế tự tính của danh.
 4. Y nghĩa biến kế tự tính của nghĩa.
 5. Y hai thứ biến kế, hai tự tính.

- Y danh biến kế tự tính của nghĩa: như có chấp rằng: Vật này đã có tên là sắc thì chắc chắn phải có tự thể chân thật của sắc. Vật này đã có tên gọi là thọ, tưởng, hành, thức thì chắc chắn phải có thể tính chân thật.

- Y nghĩa biến kế, tự tính của danh: như có chấp: Vật này là sắc, không gọi là sắc. Vật này là thọ, tưởng, hành, thức, không gọi là thọ tưởng hành thức.

- Y danh biến kế tự tính của danh là: như có chấp: không biết rõ vật thể chỉ biết danh sắc, không biết rõ vật thể, chỉ biết khác nhau các thứ là thọ tưởng hành thức.

- Danh y nghĩa biến kế, tự tính của nghĩa là: như có lối chấp: Không rõ sinh sắc, chỉ phân biệt mỗi thứ lớp thể của sắc. Không biết rõ tên thọ tưởng hành thức, chỉ các thứ phân biệt lớp thể của thọ, tưởng,

hành, thức.

- Y theo hai thứ biến kế, hai thứ lớp tính là: như có chấp: Vật này là thể tính của sắc nên gọi là sắc. Vật này là thể tính của thọ tướng hành thức nên gọi là thọ tướng hành thức.

Đây đã nói tự tính khác nhau của biến kế sở chấp. Biến kế chấp này là do phân biệt sai lầm mà phát sinh. Phân biệt khác nhau ấy, nay sẽ nói tiếp.

Tụng rằng:

*Phân biệt có tám thứ,
Năng sinh đối ba việc,
Phân biệt thể, nên biết.
Tâm, tâm pháp ba cõi.*

Luận chếp: Tám thứ phân biệt sinh ra ba việc, ba việc ấy

là:

1. Duyên sự làm chỗ nương cho phân biệt hý luận.

2. Việc chấp ngã mạn.

3. Việc tham ái, v.v...

Tám thứ phân biệt là:

1. Tự tính phân biệt là đối với sắc, v.v... tư tưởng sự phân biệt sắc, v.v... với tất cả tự tính của nó.

2. Phân biệt khác nhau là đối với sắc, v.v... tư tưởng duyên vào sắc, v.v... rồi khởi lên phân biệt, cho là đây có sắc, đây là không sắc, đây có thấy, đây không thấy, đây có đối, đây không có đối. Cũng thế, phân biệt thành vô lượng, nó là nương cho phân biệt tự tính, là phân biệt nghĩa khác nhau của các thứ.

3. Chấp chung phân biệt, tức đối với sắc, v.v... tưởng đến nó, mà lập ngã, sinh mạng hữu tình, sự sống, v.v... đều bởi giả tưởng đặt ra quan điểm đưa đến phân biệt. Bởi chứa nhóm nhiều pháp mà chấp chung làm nhân cho phân biệt thay đổi. Lại nữa, tưởng đến các chuyện nhà cửa xe cộ, rừng bụi lính tráng v.v... và đối với y phục, ăn uống, xe cộ rồi lập những quan điểm giả tưởng về nhà, cửa, v.v... mà dẫn đến những suy nghĩ tìm kiếm.

4. Phân biệt ngã: Là đối với chuyện hữu lậu thì có, chấp ngã thâm nhiếp ấy, đã tập quen trong thời gian dài. Do quen lối chấp sai lầm ấy, từ nơi những chuyện nghe thấy làm duyên phát sinh phân biệt giả dối.

5. Ngã sở phân biệt là nếu việc hữu lậu thì chấp có, những thâm nhiếp các thứ chấp cho đó là những cái mà ngã yêu mến, nó được quen tập lâu dài. Do quen lối chấp sai lầm ấy, mà từ những việc nghe thấy làm duyên phát sinh phân biệt đầy giả dối.

6. Ái phân biệt là vì kích thích của đối tượng đầy tuyệt diệu vừa ý mà phân biệt.

7. Bất ái phân biệt là vì kích thích của đối tượng không tuyệt diệu vừa ý mà phân biệt.

8. Phân biệt yêu mến, không yêu mến đều trái nhau là vì kích thích của việc tịnh, bất tịnh, vừa ý, không vừa ý mà phân biệt lia xa những đối tượng ấy.

Cũng thế, nói lược có hai thứ: Là phân biệt tự thể và phân biệt chỗ nương, những duyên ràng buộc. Trong ấy có ba thứ là tự tính phân biệt, phân biệt khác nhau, và chấp chung phân biệt. Ba thứ phân biệt này có khả năng làm phát sinh nền tảng nương cho phân biệt hý luận. Duyên tạo nên phân biệt ký luận là việc tưởng đến sắc, v.v... làm chỗ nương cho duyên, nên nó bao gồm tên gọi, tưởng nói, nói năng, chính những tên gọi, tưởng đến, nói năng này đã làm sáng tỏ phân biệt hý luận, tức là đối với việc phân biệt này tính toán so đo nhiều thứ khác nhau, nhiều không kể hết. Trong đó phân biệt về ngã và phân biệt về những cái thuộc về ngã, là hai thứ phân biệt có khả năng làm phát sinh những kiến chấp căn bản khác, cũng như căn bản về mạn, về thân kiến và còn có thể làm phát sinh kiêu ngạo và ngã mạn khác. Trong việc phân biệt cái yêu thích và không yêu thích là những phân biệt trái nhau, đáp ứng đúng cho hai tâm lý đó là do tham sân si sinh ra. Cho nên, tám thứ phân biệt như vậy khởi lên ba việc. Nếu muốn nói lược phân biệt thể tính, ấy là các tâm, tâm sở trong ba cõi. Lại nữa, Tụng rằng:

*Bị trói do hai trói,
Chấp chặt hai tự tính,
Nên giải thoát hai trói,
Chánh vô đắc, vô kiến.*

Luận chép: Lúc khởi lên các phân biệt, mà ở trước đã nói, tức là bị trói buộc vì hai thứ trói buộc. Gọi là tướng trói buộc và trói buộc thô nặng là vì hai trói buộc, là chấp vào hai tự tính, là chấp vào tự tính y tha khởi và chấp vào tự tính biến kế sở chấp. Cho nên giải thoát hai trói ấy rồi thì đối với hai tính của nó, hoàn toàn không có gì để nắm bắt, cũng như không có gì để chấp nữa. Vì sao? Do tự tính của biến kế sở chấp là hoàn toàn không. Không thể nắm bắt tự tính y tha khởi. Dù chúng còn tướng không chấp, nên không có gì để thấy. Như vậy, đã thành lập rồi tự tính biến kế sở chấp. Để thành lập tự tính y tha khởi, nên sẽ nói về lý thành lập nó.

Tụng rằng:

*Giả có, nhân nương,
Hoặc hai thứ dị, hoại
Tạp nhiễm có thể được
Phải biết, y tha, có.*

Luận chép: Không nên nói các pháp chỉ là giả có. Vì sao? Vì pháp giả nhưng phải có nhân nương. Thành lập pháp giả có nhưng chẳng phải là không có vật hiện thực. Nếu không có cái hiểu như vậy thì không có vật hiện thực và pháp giả kia cũng là không. Mà không tức là phá hoại hai pháp, mà hai pháp bị phá bỏ thì pháp tạp nhiễm lẽ không thể được. Nhưng bởi pháp tạp nhiễm đã hiện thực có, nên biết phải có tự tính y tha khởi.

Lại nữa, tự tính y tha khởi này, có tướng mạo ra sao? Tụng rằng:

*Tướng thô nặng làm Thể,
Cùng làm duyên mà sinh,
Chẳng phải tự nhiên có,
Nên nói sinh vô tính.*

Luận chép: Tự tính y tha khởi này là tướng, thể nó thô, nặng. Y tha khởi là gì? Bởi hai thứ này làm duyên cho nhau mà sinh, là tướng làm duyên cho thô, và thô lại làm duyên sinh ra tướng. Nếu đã vậy, thì vì sao gọi là sinh vô tính? Ấy là do sức mạnh của duyên mà sinh, chứ không phải tự nhiên mà có. Lại nữa, tự tính y tha khởi này, chắc chắn là có hay là không?

Tụng rằng:

*Chẳng chắc chắn có không,
Các thứ đều thừa nhận,
Có hai tính giả, thật,
Thế gian nói là có.*

Luận chép: Tự tính y tha khởi không phải theo nêu bày chắc chắn là có, cũng không chắc chắn là không. Cho nên tất cả các thứ chẳng phải có, không phải không. Dù vậy, vẫn thừa nhận là các thứ đều có thể nói đến được hoặc có hoặc không, vừa có vừa không, chẳng phải có, chẳng phải không.

Hỏi: Tự tính y tha khởi này, là thật có hay giả có? Đáp: Nên biết, tính y tha khởi này, có cả giả và thật.

Hỏi: Phải chăng tính này là vì thế tục mà có hay vì thắng nghĩa mà có?

Đáp: Phải biết, vì thế tục, cho nên nói tính này là có.

Tụng
 rằng: *Nói về dụng ngã, pháp,
 Đều gọi là thế tục,
 Phải biết, Thắng nghĩa đế,
 Là bảy thứ chân như.*

Luận chép: Thế tục đế là: Nên biết, đã nói xong tác dụng của ngã, pháp, như trong phẩm nhiếp tịnh nghĩa nói. Chân đế thắng nghĩa là bảy thứ chân như, như đã nói trong phẩm nhiếp sự.

Lại nữa, bài Tụng rằng:
*Tự tính Viên thành thật,
 Hai nghĩa trí tối thắng,
 Không có các hý luận,
 Xa lìa tính một, khác.*

Luận chép: Nên biết, thắng nghĩa đế là tự tính Viên thành thật. Hỏi: Vì sao bảy thứ chân như được gọi là thắng nghĩa đế?

Đáp: Do hai trí tối thắng tạo nên. Đó là hai trí: Xuất thế gian và trí có được sau cùng trong thế gian. Cho nên thắng nghĩa này là không có hý luận, chứ chẳng phải trí cảnh nào khác. Hơn nữa, do thắng nghĩa này không có hý luận nên đối với pháp có tướng, nó lìa khỏi tính chất là một là khác? Vì sao? Vì ừ chân như này nên không thể nói pháp có tướng là khác hay chẳng phải khác. Lại nữa, Tụng rằng:

*Là sở duyên thanh tịnh,
 Thường, không có thay đổi,
 Tính thiện và tính lạc,
 Tất cả đều thành tự.*

Luận chép: Phải biết: Do thắng nghĩa đế đã xa rời tính chất một khác, nên nó đã duyên theo tính chất thanh tịnh. Vì sao? Do bám vào cảnh giới thanh tịnh mà tâm thanh tịnh, nên biết, đó cũng là thường, không bao giờ đổi khác trong các hoàn cảnh. Do nó bám được vào duyên thanh tịnh nên biết là thiện. Phải biết, nó đã là thường hằng thì đó là vui. Lại nữa, Tụng rằng:

*Thắng nghĩa thật, vô tính,
 Không ngã và hý luận,
 Cũng như không y tha,
 Nên thắng nghĩa tính không.*

Luận chép: Tự tính Viên thành thật vì thắng nghĩa tính không, nên nói là tính không. Vì sao? Vì tự tính này tức là thắng nghĩa, cũng là tính không. Do không còn tính chất ngã pháp, hý luận cho nên tự tính Viên

thành thật là thắng nghĩa, và không có tính hý luận. Cho nên nói thắng nghĩa là vô tính.

Nên biết, đối với tự tính y tha khởi, dù tướng khác, cũng được lập làm thắng nghĩa vô tính. Vì sao? Do không có tính thắng nghĩa. Lại nữa, như trước đã nói có năm thứ tướng. Là tướng năng giải thích, tướng sở giải thích, hai tướng này thuộc về tướng. Tướng chấp trước, tướng không chấp trước. Lại có ba tướng là tướng biến kế sở chấp, tướng y tha khởi và tướng Viên thành thật, vậy là năm gom vào ba hay ba gom và năm?

Tụng rằng:

*Nương ba tướng, nên biết,
Mà lập năm thứ tướng.
Nó ứng với ba tính,
Đều có năm nghiệp riêng.*

Luận chép: Phải biết, dựa vào ba tự tướng mà lập ra năm tướng. Vì sao? Vì tướng đầu và tướng thứ hai y theo ba tự tướng. Tướng thứ ba dựa vào tướng biến kế sở chấp. Tướng thứ tư dựa vào tướng y tha khởi. Tướng thứ năm dựa vào tướng Viên thành thật. Lại nữa, ba tự tính, mỗi tự tính có năm nghiệp, như đã nói trong phẩm Nhiếp tịnh nghĩa. Lại nữa, trước đây thành lập phẩm không là để ngăn dứt chấp của chúng sinh, nay trong phẩm này, là để trừ pháp chấp. Hai lối chấp này từ đâu sinh ra, do ai phát sinh?

Tụng rằng:

*Chấp pháp nên người ngu
Nói chấp vào chúng sinh,
Kia trừ tánh giáo pháp,
Giác, đoạn chấp ngã, pháp.*

Luận chép: Vì chấp pháp cho nên kẻ ngu trên thế gian khởi lên chấp vào chúng sinh. Xua tan cái chấp chúng sinh đang khởi lên ràng buộc ấy nên thấu ngộ tính chất thật của pháp. Nhờ đó cắt đứt hẳn pháp chấp. Khi pháp chấp đã bị cắt đứt thì cũng cắt đứt cả chấp chúng sinh và tùy miên. Lại nữa, đối với pháp nào chưa dứt trừ mà trở thành tạp nhiễm? Và đối với sự đoạn diệt nào mà được thanh tịnh?

Tụng rằng:

*Trước là chấp y tha
Huân tập thành tạp nhiễm.
Vô chấp, Viên thành thật,
Huân tập thành thanh tịnh.*

*Tạp nhiễm tính hữu lậu,
Thanh tịnh tức vô lậu.
Đây phải biết chuyển y,
Hai thứ không nghĩ bàn.*

Luận chép: Do chấp trước tự tính đầu là tự tính y tha khởi nên khởi lên những xông ướp mãi mới thành ra tạp nhiễm. Phải biết vì không chấp trước tự tính Viên thành thật nên khởi lên những xông ướp mãi hưởng ấy nên thành thanh tịnh. Tạp nhiễm chính là tính chất hữu lậu. Thanh tịnh chính là tính chất vô lậu. Phải biết, tính chất vô lậu này chính là tướng của chuyển y. Lại nữa, chuyển y này không thể nghĩ bàn, nó có hai thứ. Thế nào là không thể nghĩ bàn?

Tụng rằng:

*Chân thật và tự thể,
Vắng lặng và công đức,
Thảy đều không nghĩ bàn.
Phải biết, do bốn đạo.*

Luận chép: Sự chuyển y như vậy, là không thể nghĩ bàn, do bốn đạo (nguyên tắc).

1. Do chân thật, nghĩa là thường.
2. Do tự thể, chẳng phải có sắc, chẳng phải không có sắc như thế, v
- .v... 3. Do vắng lặng, nghĩa là an trụ trong vắng lặng.
4. Do công đức, nghĩa là chuyển y này có uy đức.

Lại nữa, chuyển y này không thể nghĩ bàn là do bốn nguyên tắc mới đưa đến chứng đắc. Đó là bốn chánh hạnh, bốn thứ tầm tứ, bốn trí như thật, bốn thứ cảnh sự, bốn cảnh sự là:

1. Cảnh biến mãn.
2. Cảnh tịnh hạnh.
3. Cảnh thiện xảo.
4. Cảnh hết hoặc.

Trong ấy, cảnh biến mãn lại có bốn thứ:

1. Ảnh tượng có phân biệt.
 2. Ảnh tượng vô phân biệt.
 3. Sự bờ mé.
 4. Việc làm thành tựu.
- Ảnh tượng có phân biệt là những hiểu biết đồng phần với Tam-ma-địa và cảnh sở hành Tỳ-bát-xá-na.
- Ảnh tượng không phân biệt là những hiểu biết đồng phần với

Tam-ma-địa và cảnh thực hành Xa-ma-tha.

- Sự rốt ráo là cùng tận tất cả tính và như tất cả tính.

- Việc làm thành tựu là chuyển y và nương vào trí vô phân biệt này. Cảnh tịnh hành có năm thứ:

1. Bất tịnh.
2. Từ bi.
3. Duyên khởi.
4. Giới khác nhau.
5. Nghĩ nhớ hơi thở ra vào.

Cảnh thiện xảo có năm thứ:

1. Uẩn thiện xảo.
2. Giới thiện xảo.
3. Xứ thiện xảo.
4. Duyên khởi thiện xảo.
5. Xứ phi xứ thiện xảo.

- Cảnh hết hoặc là đạo thế gian, có hai là: Tính thô của cõi dưới, và tính vắng lặng của cõi trên. Đạo lý xuất thế gian là bốn Thánh đế. Lại nữa, như trước đã nói có hai thứ chuyển y. Thế nào là hai? Là sự khác nhau Thanh văn chuyển y và Bồ-tát chuyển y.

Tụng rằng:

*Thanh văn có hai thứ,
Hương Niết-bàn, Bồ-đề.
Nương vào thân biến hóa,
Đến Chánh giác Vô thượng .
Các Thanh văn chuyển y ,
Chán bỏ, tu chứng đắc,
Bồ-tát tu phương tiện,
Nương vào trí không hai,
Do không trụ sinh diệt,
Trí Chư Phật Vô thượng
Lợi lạc các hữu tình.
Không nghĩ bàn, không hai.*

Luận chép: Phải biết: Thanh văn chuyển y, có hai thứ là hướng đến Niết-bàn, và hướng đến Bồ-đề.

Hỏi: Hàng Thanh văn Vô học không bao giờ còn chịu thân sau thì làm sao chứng được đạo quả Chánh đẳng Chánh giác ?

Đáp: Do nương vào thân biến hóa, an trụ trong ấy, mà có thể chứng ngộ Bồ-đề, chẳng dựa vào thân nghiệp báo. Lại nữa, sự chuyển

y Thanh văn là tu trái với sinh tử nên chứng được. Chuyển y của Bồ-tát là dùng phương tiện mà tu tập và nương vào trí không còn phân hai mà chứng được. Thế nào là dùng phương tiện tu tập? Là do đạt pháp tính không dứt quãng, sở duyên to lớn, cho nên làm phát sinh siêng năng tối thắng, vì ngó ngang đến hữu tình biết rõ các hành. Thế nào là nương vào trí không còn phân hai? Là không trụ ở sinh tử, không trụ ở Niết-bàn. Không ngó ngang đến sinh tử mà ngó ngang đến hữu tình. Phải biết, vì nhân duyên này mà chứng ngộ trí Phật tối thắng, Vô thượng. Vì sao? Vì trí hữu tình khác, nên có lúc trụ trong sinh tử hay có lúc trụ ở Niết-bàn, cho nên chưa phải Vô thượng. Trong khi ấy, trí của Chư Phật là nhằm đem lại lợi ích an vui cho các hữu tình. Vì khéo thành tựu tròn đầy lợi mình và lợi người nên mới là tối thắng, Vô thượng.

- Trí hữu tình khác, nghĩa là trí đó chỉ làm lợi cho mình, hoặc làm lợi ích không đồng đều, nên nó chẳng phải Vô thượng. Vì thế, cho nên trí tuệ của Chư Phật là không thể nghĩ bàn. Khi không còn vướng mắc hai bên thì có thể làm các việc ích lợi cho chúng sinh. Lại nữa, không hai nghĩa là không có hai tính chất giữa chứng Niết-bàn và không chứng Niết-bàn.
